TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HN** **TỈNH BĐ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2021/HNGĐ-ST
Ngày 16-11- 2021
V/v ly hôn, chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HN, TỈNH BĐ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Siêng và bà Trần Thị Thu Thanh

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Xuân Diệu là Thư ký Toà án nhân dân thị xã HN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Trường Minh Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh BĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 316/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 về việc: " Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn BĐ, xã HCB, thị xã HN, tỉnh BĐ.

- *Bị đơn:* Anh Trịnh Duy A, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn TS, xã HS, thị xã HN, tỉnh BĐ.

(Chị Nh có mặt, anh A vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh trình bày: Chị và anh A tự nguyện kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã HS ngày 12/7/2019. Sau kết hôn vợ chồng sống chung cùng gia đình bên chồng, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nguyên nhân là do tính tình không hợp, anh A không chăm lo làm ăn, ham chơi cờ bạc nên vợ chồng thường hay cãi vã. Vì không chịu đựng được nên chị phải bỏ về nhà cha mẹ ruột ở tháng 02/2021 cho đến nay và kể từ đó vợ chồng sống xa cách nhau không ai quan tâm gì đến ai. Nay chị thấy vợ chồng sống không hạnh phúc và không thể sống chung với nhau được nữa chị yêu cầu được ly hôn. Con

chung không có. Tài sản chung có 24 chỉ vàng 24k và 15.000.000đ, hiện chị đang cất giữ 01chỉ vàng 24k, còn lại anh A cất giữ 23 chỉ vàng 24k và 15.000.000đ, vợ chồng ly hôn chị yêu cầu chia hai, anh A phải giao lại cho chị 11chỉ vàng 24k và 7.500.000đ là xong.

- *Bị đơn anh Trịnh Duy A vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình tố tụng Ah A khai:* Ah và chị Nh tự nguyện kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã HS ngày 12/7/2019. Sau kết hôn vợ chồng sống chung cùng gia đình bên chồng, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nguyên nhân là do anh lấy tiền vàng tiêu sài cho nên vợ chồng thường hay cãi vã, rồi chị Nh tự ý bỏ về nhà cha mẹ vợ ở từ tháng 02/2021 cho đến nay và kể từ đó vợ chồng sống xa cách nhau không ai quA tâm gì đến ai. Nay anh đã tự thấy mình sai và hứa sẽ sửa chữa khắc phục để hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh không muốn ly hôn anh mong muốn vợ chồng sống chung trở lại. Con chung không có. Tài sản chung có 24 chỉ vàng 24k và 15.000.000đ, chị Nh cất giữ 01 chỉ vàng 24k, còn lại anh cất giữ 23 chỉ vàng 24k và 15.000.000đ nhưng vì ham chơi cờ bạc nên đã bị thua hết, không còn để giao lại cho chị Nh.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nh được ly hôn anh A. Con chung không có. Tài sản chung chấp nhận yêu cầu của chị Nh, buộc Ah A phải giao cho chị Nh 11chỉ vàng 24k và 7.500.000đ là xong. Án phí dân sự sơ thẩm chị Nh phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, tương ứng với phần tài sản được chia chị Nh và anh A mỗi người chịu án phí chia tài sản theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án: " Ly hôn", theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh A có địa chỉ tại thôn TS, xã HS, thị xã HN, tỉnh BĐ. Do đó Tòa án nhân dân thị xã HN thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

Về nội dung:

[1] Chị Nh và anh A tự nguyện kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã HS ngày 12/7/2019 là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nguyên nhân là do tính tình không hợp, anh A không chăm lo

làm ăn, ham chơi cờ bạc nên vợ chồng thường hay cãi vã, rồi chị Nh tự ý bỏ về về nhà cha mẹ vợ ở từ tháng 02/2021 cho đến nay và kể từ đó vợ chồng sống xa cách nhau không ai quan tâm gì đến ai, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, tình trạng hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ những tình tiết và chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nh được ly hôn anh A là có căn cứ và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Con chung không có.

[3] Chị Nh và anh A có chung 24 chỉ vàng 24k và 15.000.000đ, chị Nh cất giữ 01 chỉ vàng 24k, còn lại anh A cất giữ 23 chỉ vàng 24k và 15.000.000đ. Nay chị Nh yêu cầu chia hai mỗi người được quyền sở hữu 12 chỉ vàng 24k và 7.500.000đ, như vậy anh A phải giao lại cho chị Nh sở hữu 11 chỉ vàng 24k và 7.500.000đ. Theo các lời khai của anh A thì anh có yêu cầu, vì ham chơi cờ bạc nên số tiền vàng anh cất giữ đã bị thua hết không còn để giao lại cho chị Nh và yêu cầu này của anh A không được chị Nh đồng ý. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nh giải quyết buộc anh A phải giao trả lại cho chị Nh sở hữu 11 chỉ vàng và 7.500.000đ là có căn cứ và đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[4.1] Chị Nh phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình sung vào ngân sách nhà nước là đúng với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 ngày 12 tháng 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4.2] Tương ứng với phần tài sản được chia là 12 chỉ vàng 24k (có giá 4.700.000đ/chỉ) và 7.500.000đ (Theo xác minh vàng có giá 4.700.000đ/chỉ, như vậy phần tài sản được chia tương đương có giá 63.900.000đ), do đó chị Nh và anh A mỗi người phải chịu 3.195.000đ sung vào ngân sách nhà nước là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 ngày 12 tháng 2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc hội.

[5] Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a và b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 ngày 12 tháng 2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Nh và anh Trịnh Duy A được ly hôn.

- Về con chung: Không có.

- Về chia tài sản: Anh Trịnh Duy A phải giao cho chị Nguyễn Thị Nh nhận sở hữu 11 chỉ vàng 24k và 7.500.000đ (Mười một chỉ vàng 24k và bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị Nguyễn Thị Nh phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sung vào ngân sách nhà nước. Chị Nh đã nộp tạm ứng đủ theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: 0001378 ngày 10/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HN được tính trừ.

+ Chị Nguyễn Thị Nh phải chịu 3.195.000đ (Ba triệu ba một trăm chín mươi lăm ngàn đồng) án phí về chia tài sản sung vào ngân sách nhà nước. Chị Nh đã nộp tạm ứng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: 0001379 ngày 10/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HN được tính trừ, còn lại chị Nh phải nộp 1.195.000đ (Một triệu một trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

+ Anh Trịnh Duy A phải chịu 3.195.000đ (Ba triệu một trăm chín mươi lăm ngàn đồng) án phí về chia tài sản sung vào ngân sách nhà nước.

- Về kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú, để Toà án nhân dân tỉnh BĐ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND thị xã HN;
- THA thị xã HN;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Vinh

THÀNH VIÊN **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**	**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA** **PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Vinh